

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NIIGATA HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NIIGATA HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANOI NIIGATA LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108062403

3. Ngày thành lập: 16/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu Công nghiệp Quang Minh II, Thôn Phù Trì, Xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01655161602

Fax:

Email: hientusan@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
2.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
3.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
4.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
5.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
6.	Xây dựng nhà các loại	4100
7.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng cầu đường	4210
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
9.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	4329
10.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu. - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
14.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa	4933
16.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
17.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
18.	Cho thuê xe có động cơ	7710
19.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
20.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
21.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
22.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
23.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
24.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
25.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
26.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
27.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
28.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
29.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
30.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
31.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
32.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
33.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
34.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812

35.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: - Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và gas khác; - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo; - Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô... Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi thông; - Sản xuất vòi và van vệ sinh; - Sản xuất vòi và van làm nóng; - Sản xuất máy bơm tay;	2813
36.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa	4610
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
39.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
40.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất và buôn bán phân bón	4669
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa	5221
42.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
43.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
44.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
45.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
47.	Khai thác gỗ	0221
48.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
49.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
50.	Thu gom rác thải độc hại	3812
51.	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng dân dụng	4220
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công nghiệp.	4290

53.	Phá dỡ	4311
54.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
55.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
56.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
57.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
58.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
59.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
60.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
61.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
62.	Sản xuất máy luyện kim	2823
63.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic; - Sản xuất các sản phẩm plastic bán chế biến như: Đĩa, tấm, khối, mảnh nhựa (bất kể tự dính hay không); - Sản xuất các sản phẩm nhựa hoàn thiện như : Ống, vòi nhựa, thiết bị lắp đặt bằng nhựa; - Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, màn, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt. - Sản xuất bàn, đồ bếp và đồ nhà vệ sinh bằng nhựa; - Sản xuất tấm hoặc bản bóng kính; - Sản xuất tấm phủ sàn bằng nhựa cứng hoặc linoleum; - Sản xuất đá nhân tạo; - Sản xuất sản phẩm nhựa chuyên hoá như: Mũ lưới trai, thiết bị ngăn cách, bộ phận của thiết bị chiếu sáng, thiết bị văn phòng hoặc giáo dục, quần áo bằng nhựa (nếu chúng được gắn với nhau, không phải là khâu), thiết bị đồ gia dụng, tượng, băng chuyền, giấy dán tường bằng nhựa, đế giày, tẩu xì gà, lược, lô cuốn tóc, và các đồ khác.	2220
64.	Sản xuất xe có động cơ	2910
65.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
66.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
67.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
68.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
69.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312(Chính)
70.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
71.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
72.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
73.	Bốc xếp hàng hóa	5224
74.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719

75.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
76.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 25.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Tổ 6, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	12.495.000.000	49,000	013293061	
2	NGUYỄN VĂN TUYẾN	Tổ dân phố số 7, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	12.495.000.000	49,000	013138025	
3	HẠ THỊ LUYẾN	Tổ 1, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	510.000.000	2,000	001185016083	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HẠ THỊ LUYẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001185016083

Ngày cấp: 18/01/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 1, Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội